

Diễn biến thị trường ngày 04.04.2017

Thị trường giao dịch khá tích cực ngày hôm nay, hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều tăng điểm: chỉ số VN-Index tăng 1,76 điểm (+0,24%) lên 724,14 điểm; chỉ số HNX-Index tăng 0,24 điểm (+0,26%) lên 91,16 điểm; UPCOM-Index giảm 0,35 điểm (-0,61%) xuống 57,26 điểm.

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng mạnh với giá trị 264,7 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 1,7 triệu cổ phiếu. VNM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 101 tỷ đồng tương ứng với 840 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 31,5 tỷ đồng tương ứng với 965 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 9,6 tỷ đồng tương ứng với 763 nghìn cổ phiếu, các nhà đầu tư ngoại bắt đầu chốt lời cổ phiếu này sau khi STB tăng trần ngày 03/04/2017.

Thanh khoản trên sàn HOSE cải thiện với giá trị giao dịch đạt mốc 4.379 tỷ đồng, chứng tỏ dòng tiền đầu tư đã quay lại. Đồng thời, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng với khoảng 264,7 tỷ đồng là dấu hiệu tích cực. Với những tín hiệu hỗ trợ như trên, VN-Index có thể tiếp tục đà tăng điểm trong phiên 05/04/2017 để hướng đến kháng cự tại 726,5 điểm.

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	724,14	91,16
% thay đổi	0,24%	0,26%
Tổng KLGD (triệu CP)	214,3	54,45
Tổng GTGD (Tỷ VND)	4.343,24	622,19
KL Dư mua (triệu CP)	155,69	33,45
KL Dư bán (triệu CP)	142,5	35,58
Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL mua (triệu CP)	11,35	1,3
KL bán (triệu CP)	9,61	3,57
GT mua (tỷ đồng)	601,62	22,29
GT bán (tỷ đồng)	336,95	32,5
KL mua/bán ròng (triệu CP)	1,74	-2,27
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	264,66	-10,2
Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4,56	1,73
P/E	16,73	11,56
Beta	0,81	0,88
ROE	21,25%	15,08%
ROA	10,98%	6,18%

Cổ phiếu ngân hàng giao dịch tích cực trong phiên hôm nay, là động lực tăng điểm chính của thị trường khi hàng loạt mã tăng như: SHB (+3,4%), STB (+1,2%), ACB (+1,2%), BID (+0,3%), VCB (+1,1%). Chỉ có cổ phiếu CTG (-0,28%) và EIB (-0,42%) giảm điểm.

Nhóm thép có sự phân hóa khá mạnh, khi chỉ còn các mã đầu ngành là tăng điểm HPG (+1,1%), HSG (+3,9%), NKG (+1,6%).

Ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, FLC (+0,8%) dẫn đầu về khối lượng khớp lệnh trong phiên với 19,3 triệu cổ phiếu. Cổ phiếu TTF tăng trần lên 8.020 đồng (+6,93%) sau khi Tân Liên Phát đã bán xong 36 triệu cổ phiếu.

Bộ đôi HAG (+6,1%) và HNG (+6,6%) đảo chiều tăng khá mạnh vào phiên chiều sau khi chỉ đứng ở mức tham chiếu và có lúc giảm điểm vào phiên sáng.

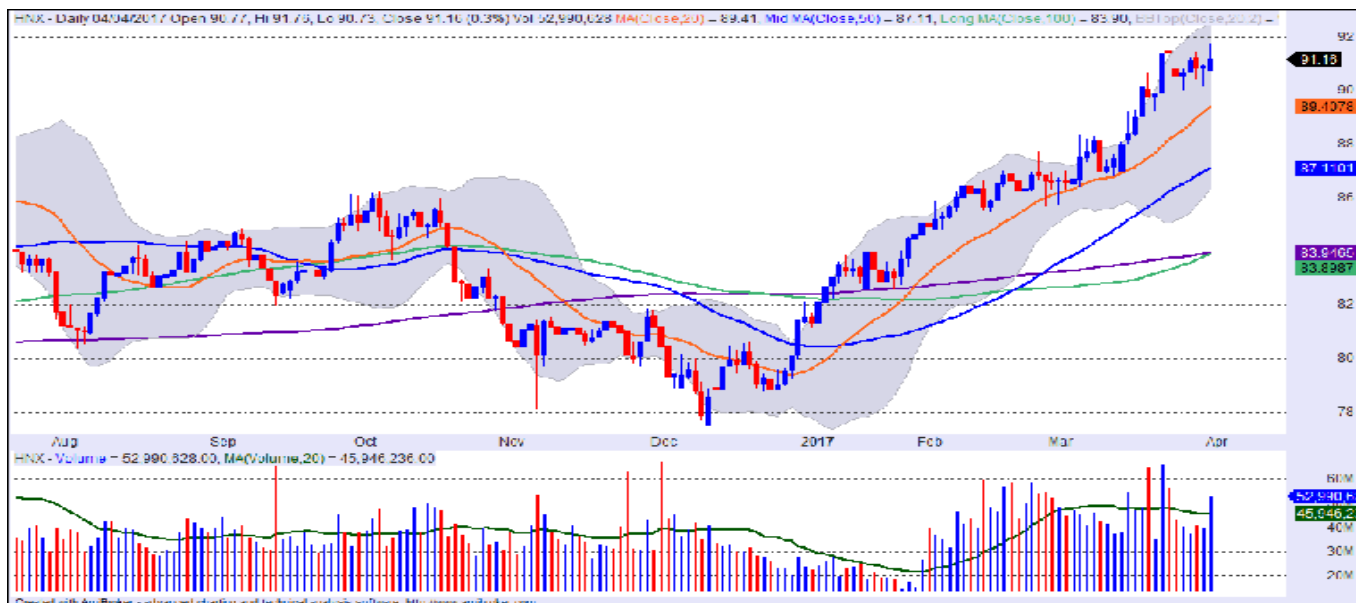
Phân tích kỹ thuật

VN-Index



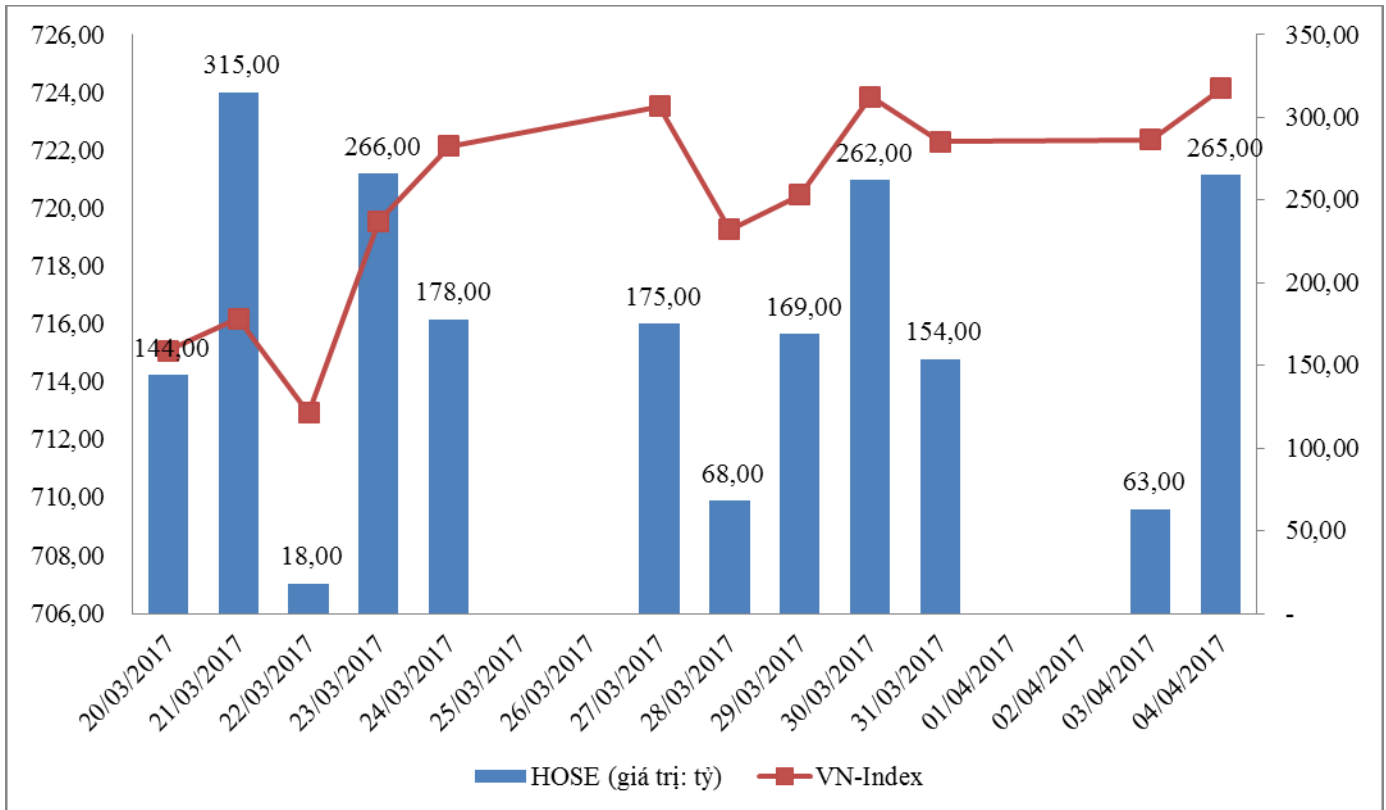
VN-Index tiếp tục giao dịch giằng co trong phiên hôm nay và kết phiên với mức tăng nhẹ. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 721-722,5 điểm (MA5-10) và kháng cự gần nhất tại 726,5 điểm.

HNX-Index



HNX-Index tiếp tục tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 90,8-90,9 điểm (MA5-10) và kháng cự gần nhất tại 92,1 điểm.

Giao dịch rỗng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát vừa có thông báo về việc đã bán ra hơn 36 triệu cổ phiếu TTF và không còn là cổ đông lớn của Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. Cụ thể, ngày 31/3, Tân Liên Phát đã bán 36,2 triệu cổ phiếu trong tổng số 43,2 triệu cổ phiếu nắm giữ trước đó để giảm sở hữu xuống còn 7 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ sở hữu 4,84% vốn điều lệ và chính thức không còn có tên trong danh sách cổ đông lớn của TTF. Theo dữ liệu giao dịch lịch sử cổ phiếu TTF trên sàn HOSE, từ 21/3 đến ngày 31/3 đã có nhiều phiên giao dịch thỏa thuận với số lượng lớn. Trong đó, phiên giao dịch 31/3 đã có hơn 21 triệu đơn vị được thỏa thuận với giá trị gần 150 tỷ đồng. Trước đó, vào ngày 30/11/2016, Tân Liên Phát đã bán ra gần 29 triệu cổ phiếu để giảm sở hữu từ 49,9% xuống còn 29,9% vốn điều lệ. Hiện tại, sau khi công bố Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán với mức lỗ ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ là 1.271 tỷ đồng, giảm hơn 350 tỷ đồng so với số liệu trước kiểm toán, TTF xem như đã thoát khỏi nguy cơ bị hủy niêm yết bắt buộc tại HOSE. Dù vẫn phải ghi nhận mức lỗ lớn cao gấp chục lần so với lợi nhuận thu về hàng năm, cổ phiếu TTF trên sàn HOSE trong 3 tháng gần đây đã có sự phục hồi mạnh kể từ mức 4.000 đồng/cổ phiếu lên 8.000 đồng/cổ phiếu vào giữa phiên giao dịch ngày 04/04/2017. (trích nguồn:cafef.vn)

C32 dự kiến đạt 620 tỷ đồng doanh thu thuần năm 2017, tăng 19% so với thực hiện năm 2016; lợi nhuận sau thuế giảm 4% và đạt 90 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (mã C32 - HOSE) đã công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2017. Trong đó, HĐQT của C32 sẽ trình cổ đông thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 với doanh thu thuần đạt hơn 520 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 93,3 tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, HĐQT lên kế hoạch đạt 620 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 19% so với thực hiện năm 2016; lợi nhuận sau thuế mục tiêu giảm 4% và đạt 90 tỷ đồng. Năm 2016, C32 sẽ trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 24%, trong đó, đã tạm ứng 12% vào ngày 9/12/2016. Về kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017, HĐQT của C32 sẽ trình ĐHCĐ thông qua việc trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cũng với tỷ lệ 24%, ứng với số tiền khoảng 26,88 tỷ đồng. Đáng chú ý, số tiền chia cổ tức của C32 trong năm 2017 có thể tăng từ 26,88 tỷ đồng lên thành hơn 30 tỷ đồng nếu ĐHCĐ thông qua phương án phát hành 224 nghìn cổ phiếu ESOP (2%/VĐL) và 1,12 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:1), vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng từ 112 tỷ đồng lên 125,44 tỷ đồng. (trích nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn)

Điểm tin kinh tế

Giá vàng giao ngay tăng 0,34% lên mức 1.252,91 USD/ounce trong khi giá vàng kỳ hạn tháng Sáu tăng 2,8 USD đạt 1.254 USD/ounce.

Chỉ số đồng USD tăng 0,16% chạm mức cao nhất trong vòng hai tuần đạt 100,51.

Giá bạc giao ngay giảm 0,27% xuống còn 18,17 USD/ounce gần chạm mức cao nhất trong vòng 4 tuần. Cùng lúc đó, giá bạch kim tăng 0,87% đạt 801,95 USD/ounce.

Việc giá vàng tăng được cho là từ căng thẳng chính trị trong bối cảnh tổng thống Donald Trump đưa ra khả năng sẽ sử dụng các biện pháp thương mại như đòn bẩy buộc Trung Quốc phải hợp tác để đối phó với Triều Tiên. Ông còn tuyên bố thêm Mỹ có thể xử lý vấn đề ở Triều Tiên nếu Trung Quốc không đồng ý giúp đỡ. Vàng được xem như một kênh đầu tư thay thế trong trường hợp bất ổn về chính trị và tài chính xảy ra. Chỉ số tiêu dùng ở Mỹ hầu như không tăng trong suốt tháng Hai do sự chậm trễ trong việc hoàn thuế thu nhập. Tuy nhiên, với tỷ lệ lạm phát hàng năm tăng mạnh như hiện nay càng củng cố kỳ vọng tăng lãi suất trong năm nay. (trích nguồn: ndh.vn)

Đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm qua, giá tham chiếu của dầu Brent giảm 41 cent xuống 53,12 USD/thùng trong khi giá dầu WTI cũng hạ 36 cent xuống 50,24 USD/thùng. Sản lượng khai thác ở mỏ dầu khu vực Sharara- mỏ lớn nhất của Libya đã khôi phục, trước thời điểm đóng cửa hôm 27/3, công suất khai thác của mỏ dầu này là 220.000 thùng/ngày, đến hôm thứ Hai (3/4) công suất đã khôi phục được hơn một nửa, đạt 120.000 thùng/ngày. Trong khi đó, công ty dịch vụ dầu khí Baker Hughes tuần trước cũng đã công bố dữ liệu về số lượng giàn khoan của Mỹ đã tăng lên 10 giàn nâng tổng số lên 662 giàn, mức tăng mạnh nhất kể từ giữa năm 2011. Việc tăng số lượng giàn khoan cùng đồng nghĩa sản lượng dầu đá phiến của Mỹ cũng tăng. Tuần trước, giá dầu tăng

3 ngày liền do sản lượng khai thác ở Libya giảm. Bên cạnh đó, những tín hiệu OPEC và các nước thành viên ngoài OPEC sẽ kéo dài thời gian cắt giảm ngày càng rõ khiến giá dầu được đẩy lên cao hơn. Tháng Mười Hai năm ngoái, OPEC và 11 quốc gia khác bao gồm Nga đã đồng ý cắt giảm sản lượng khai thác khoảng 1,8 triệu thùng/ngày. Trong đó, OPEC đăng ký cắt giảm 1,2 triệu thùng/ngày và khoảng 600.000 thùng/ngày đối với các nước ngoài OPEC. Tuy nhiên, cam kết này bị cho là gây ít tác động đến trữ lượng dầu trên thị trường. Cuộc họp giữa OPEC và một số nước ngoài OPEC vào cuối tháng Tư sẽ quyết định liệu rằng có nên kéo dài hiệp định cắt giảm qua tháng Sáu hay không. *(trích nguồn: ndh.vn)*

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 04.04.2017

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HOSE					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	FLC	8,41	0,84	19.332.270	162.280
2	STB	12,40	1,22	14.362.330	180.761
3	ITA	3,90	(2,26)	12.425.200	48.965
4	HQC	2,60	(1,89)	12.137.760	31.938
5	HPG	32,30	1,10	7.700.040	250.544
6	SCR	8,55	0,94	6.895.120	59.550
7	HAG	9,60	6,08	5.938.100	55.418
8	DLG	3,25	3,50	5.701.090	18.131
9	ROS	166,20		4.822.790	795.589
10	FIT	5,11	1,79	4.592.840	23.472

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	TTF	8,02	6,93	509.910	4.007
2	PDR	20,15	6,90	1.493.910	30.029
3	TCM	23,25	6,90	1.020.910	23.399
4	PPI	2,85	6,74	907.540	2.536
5	C47	10,50	6,71	329.500	3.460
6	HNG	12,20	6,55	2.497.420	29.549
7	HAG	9,60	6,08	5.938.100	55.418
8	APG	6,42	5,42	272.070	1.691
9	TDC	7,19	5,27	237.650	1.659
10	GIL	53,40	4,30	336.910	17.696

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	TTH	10,10	8,60	417.770	4.119
2	DPS	2,70	8,00	294.477	785
3	KHB	1,60	6,67	567.100	902
4	HHG	10,10	6,32	776.380	7.747
5	HKB	7,20	4,35	3.789.707	27.925
6	SHB	6,00	3,45	14.685.721	86.657
7	HUT	14,10	2,17	1.229.455	17.185
8	VGC	16,40	1,86	888.170	14.586
9	VC3	40,00	1,27	366.900	14.408
10	CVT	56,00	1,27	322.965	18.028

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SHB	6,00	3,45	14.685.721	86.657
2	ACB	25,30	1,20	4.282.474	108.483
3	HKB	7,20	4,35	3.789.707	27.925
4	PVS	16,90	(3,43)	3.593.065	61.231
5	SHN	10,60	(2,75)	2.033.500	21.811
6	HUT	14,10	2,17	1.229.455	17.185
7	CEO	11,70	(1,68)	1.188.300	14.039
8	VCG	15,60	(0,64)	1.047.030	16.496
9	TEG	9,10	1,11	1.030.630	9.236
10	KLF	2,60		996.170	2.587

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HID	4,18	(6,90)	3.880.060	16.219
2	TSC	2,80	(5,72)	1.480.100	4.428
3	HCD	7,66	(5,20)	588.190	4.575
4	TNT	2,38	(4,80)	274.140	658
5	BMP	196,00	(3,02)	209.710	41.719
6	LDG	9,40	(2,99)	1.061.800	10.405
7	OGC	1,27	(2,31)	1.933.090	2.477
8	ITA	3,90	(2,26)	12.425.200	48.965
9	CDO	3,96	(2,22)	678.010	2.686
10	TLH	14,50	(2,03)	916.160	13.321

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	CTP	15,70	(7,10)	234.400	3.824
2	ACM	1,70	(5,56)	410.811	699
3	PVS	16,90	(3,43)	3.593.065	61.231
4	VIX	6,00	(3,23)	350.186	2.118
5	TTB	6,80	(2,86)	245.100	1.688
6	SHN	10,60	(2,75)	2.033.500	21.811
7	NHP	3,80	(2,56)	517.319	1.977
8	CEO	11,70	(1,68)	1.188.300	14.039
9	SIC	6,60	(1,49)	347.310	2.299
10	VND	14,60	(1,35)	262.915	3.881

Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top mua ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VNM	840.330	121.003.820	661.366.795	54,43
2	VJC	301.890	38.907.500	13.166.950	25,61
3	HPG	965.330	31.504.010	105.600.182	36,47
4	HSG	585.940	29.704.880	38.703.067	29,31
5	MSN	259.490	12.423.560	202.654.322	30,74
6	CII	285.230	11.053.560	29.247.857	59,36
7	CTD	45.680	9.328.410	4.882.478	42,66
8	NT2	251.280	7.999.110	76.959.949	22,27
9	KBC	506.400	7.609.580	80.528.483	32,07
10	VIC	181.360	7.579.290	501.734.105	9,98

Top bán ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	STB	(763.230)	(9.609.710)	282.642.842	10,97
2	DXG	(435.260)	(9.477.270)	51.449.907	28,67
3	SCR	(955.090)	(8.213.030)	84.349.392	11,99
4	DPM	(164.750)	(3.945.400)	112.088.636	20,36
5	BMP	(16.680)	(3.316.400)	145.920	48,68
6	PVD	(136.850)	(2.676.350)	85.938.570	26,58
7	DLG	(737.450)	(2.329.650)	100.024.991	13,91
8	VCB	(62.390)	(2.304.700)	333.481.560	20,73
9	DQC	(40.500)	(2.212.350)	7.458.436	27,29
10	DCM	(210.000)	(2.153.500)	239.581.613	3,74

Top mua ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	499.600	8.197.390	64.515.138	-
2	DBC	64.100	2.053.800	15.716.911	28,12
3	VCG	70.000	1.113.000	182.186.737	7,75
4	VE1	112.600	942.630	0	46,93
5	CVT	4.500	248.800	17.699.416	-
6	PMS	7.500	232.350	1.837.642	23,57
7	CAP	6.650	207.490	2.085.176	5,19
8	IDV	4.000	205.600	5.414.023	2,19
9	TNG	10.400	141.440	9.193.790	22,01
10	PTI	5.000	132.500	7.532.409	39,63

Top bán ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	SHB	(2.505.900)	(14.784.810)	204.358.200	9,96
2	PVS	(417.500)	(7.094.300)	94.587.201	27,83
3	PGS	(26.100)	(459.360)	15.660.532	17,68
4	VND	(29.000)	(421.410)	3.133.788	46,98
5	TTC	(19.700)	(376.220)	2.423.973	8,55
6	GMX	(15.200)	(364.730)	2.442.240	3,10
7	ICG	(49.300)	(338.870)	6.270.316	17,65
8	VKC	(21.600)	(294.020)	4.676.216	25,62
9	VCS	-1720	(284.800)	27.950.471	2,42
10	QHD	(6.600)	(233.480)	2.634.159	1,32

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	16.370,41	1%	-1,74%	-6,98%	14,21	0,64	4,51%	2,00%	-7,37%	-5,30%
Nguyên vật liệu	154.698,70	7%	0,70%	-6,71%	9,71	1,85	19,13%	10,11%	5,23%	14,71%
Công nghiệp	421.721,52	18%	-0,40%	2,29%	20,12	4,88	16,18%	7,68%	15,41%	21,66%
Hàng Tiêu dùng	609.008,02	27%	-0,11%	2,09%	19,72	6,80	29,91%	20,39%	15,55%	33,88%
Dược phẩm và Y tế	32.306,92	1%	-0,18%	9,51%	24,74	3,32	21,88%	14,32%	11,49%	39,52%
Dịch vụ Tiêu dùng	134.170,78	6%	-0,42%	-5,11%	17,85	4,94	36,92%	9,97%	23,44%	7,27%
Viễn thông	13.270,57	1%	-5,02%	-7,62%	12,94	3,95	29,73%	10,97%	14,35%	44,31%
Tiện ích Cộng đồng	163.609,85	7%	-0,81%	-5,88%	12,86	2,24	15,81%	10,33%	14,61%	23,83%
Tài chính	346.545,11	15%	0,51%	1,38%	23,80	2,83	10,09%	3,35%	16,88%	31,36%
Ngân hàng	364.809,48	16%	0,59%	2,63%	13,92	1,76	11,88%	0,76%	22,74%	51,64%
CNTT	28.138,81	1%	0,94%	2,33%	11,16	2,00	16,31%	6,64%	5,93%	20,06%

Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6.464	22,28	1.451.415.315	43,16%	32,89%	209.003,81
2	VCB	Vietcombank	1.899	19,38	3.597.768.575	14,70%	0,93%	132.397,88
3	SAB	SABECO	6.983	28,70	641.281.186	33,80%	21,97%	128.512,75
4	VIC	VinGroup	928	45,25	2.637.707.954	5,89%	1,50%	110.783,73
5	GAS	PV Gas	3.675	14,78	1.913.348.070	16,77%	12,37%	103.894,80
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1.144	145,25	3.723.404.556	11,63%	7,39%	71.466,00
7	CTG	VIETINBANK	1.828	9,82	430.000.000	11,48%	0,79%	66.835,11
8	BID	BIDV	1.795	9,58	3.418.715.334	14,70%	0,66%	58.801,90
9	MSN	Tập đoàn Masan	2.472	19,09	1.138.262.164	11,77%	3,85%	53.725,97
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	3.238	21,74	589.369.234	20,63%	5,28%	41.491,59

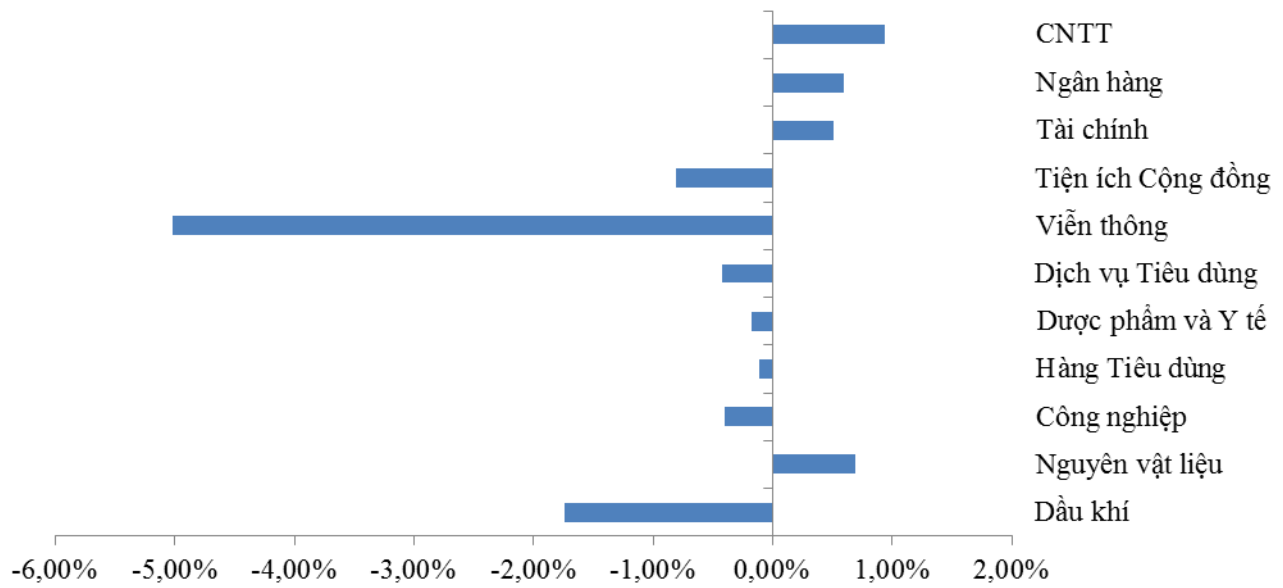
Top vốn hóa cao nhất HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1.344	18,82	985.901.288	9,87%	0,61%	24.943,30
2	VCS	VCS STONE	12.009	13,81	60.000.000	55,28%	22,09%	9.954,00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2.325	7,27	446.700.421	8,79%	4,00%	7.549,24
4	VCG	VINACONEX	1.078	14,47	441.710.673	6,44%	2,21%	6.890,69
5	SHB	SHB	921	6,51	1.119.192.914	7,66%	0,43%	6.715,16
6	NTP	Nhựa Tiền Phong	2.424	11,76	74.367.307	7,96%	3,36%	6.340,89
7	PVI	Bảo hiểm PVI	5.346	14,35	222.487.267	22,38%	11,90%	5.703,97
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1.410	11,14	326.960.000	12,12%	8,82%	5.133,27
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1.820	9,01	307.000.000	13,40%	4,17%	5.034,80
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1.829	13,67	131.075.937	8,87%	3,74%	3.276,90

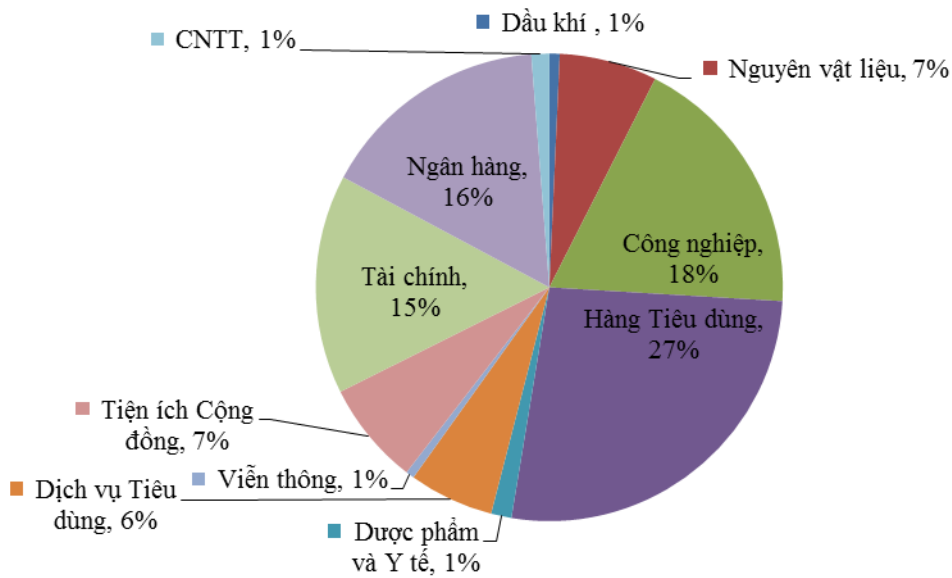
Top vốn hóa cao nhất UPCOM

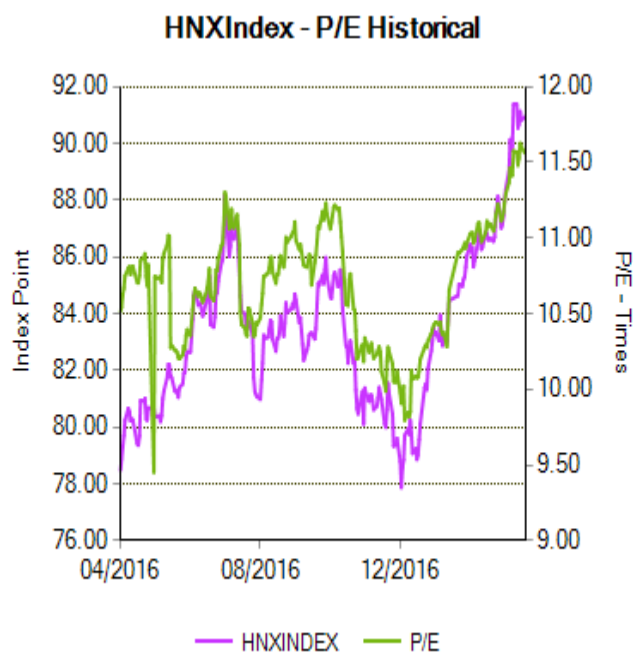
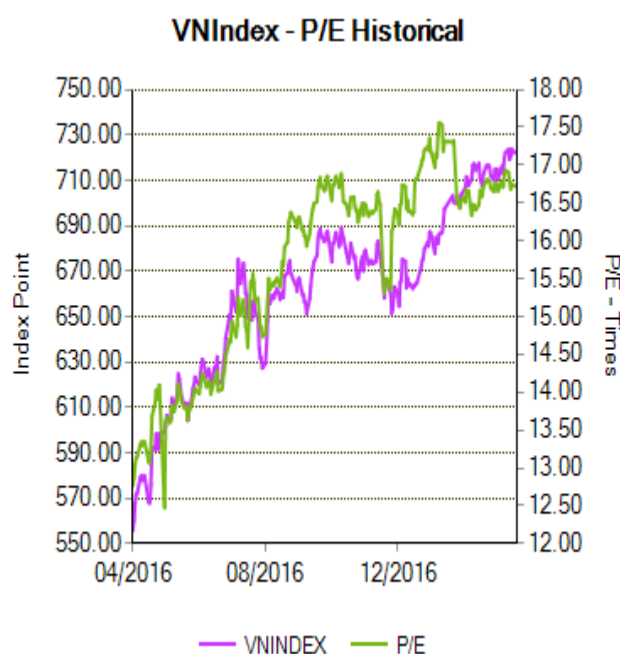
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1.002	49,98	2.177.173.236	8,33%	3,86%	108.989,29
2	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5.165	13,14	1.227.533.778	21,66%	15,32%	36.530,31
3	HVN	Vietnam Airlines	1.747	16,29	538.160.117	14,46%	2,21%	34.947,89
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7.575	16,17	187.549.373	43,25%	24,96%	22.972,92
5	FOX	FPT Telecom	6.698	13,54	137.048.594	30,82%	11,15%	12.430,31
6	MSR	Tài Nguyên MASAN	153	106,89	703.544.898	0,94%	0,41%	11.481,85
7	VIB	VIBBank	900	20,55	564.440.589	6,47%	0,59%	10.442,15
8	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	222,66	166.604.050	2,58%	2,56%	9.891,28
9	DTK	Vinacom Power	21	656,35	680.000.000	0,23%	0,05%	9.520,00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-528	-153,37	107.299.000	-6,48%	-4,99%	8.691,22

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này. Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn